

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2022
V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
+ Bà Lại Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phương V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 5 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Phương V là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thanh M lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 02 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà anh ở thôn 6, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam được đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm, chị M hay có những lời nói, cử chỉ không tôn trọng bố

mẹ anh. Anh đã nhiều lần khuyên giải chị M để gia đình hòa hợp nhưng chị M không thay đổi. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành. Dù vẫn ở cùng nhà, nhưng từ tháng 7 năm 2021 đến nay, vợ chồng anh sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng việc ai người đó làm, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Khoảng hai tháng trước thì anh cũng chính thức dọn ra ngoài ở riêng, không ở cùng nhà với chị M nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị M, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị M để anh ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 8 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thanh M là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng chị đúng như anh V trình bày. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị không xảy ra mâu thuẫn gì, vợ chồng chỉ thỉnh thoảng xảy ra tranh cãi với nhau do không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh Viên, các con còn nhỏ nên chị mong muốn anh V suy nghĩ lại, rút đơn xin ly hôn để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái. Anh V xin ly hôn chị không nhất trí.

Về con chung: Anh V, chị M đều trình bày: Vợ chồng có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2014 và cháu Nguyễn Phương Gia B, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu A ở với anh V còn cháu Bảo ở với chị M. Khi ly hôn, anh V, chị M thống nhất giao cháu A cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu B cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về con riêng; tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Anh V, chị M đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Phương V, xử ly hôn giữa anh Nguyễn Phương V và chị Nguyễn Thanh M. 2. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A cho anh V, giao cháu Nguyễn Phương Gia B cho chị

M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. 3. Án phí: Anh V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng, dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Phương Viên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thanh M là bị đơn; địa chỉ: Thôn 6, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phương V và chị Nguyễn Thanh M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 02 năm 2013, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn càng trầm trọng nên từ tháng 7 năm 2021, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Qua các tài liệu xác minh và lời khai của đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng anh V, chị M đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V xin ly hôn chị Mai là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh V, chị M có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2014 và cháu Nguyễn Phương Gia B, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2019. Khi ly hôn, anh V, chị M thống nhất giao cháu A cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu B cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Phương V và chị Nguyễn Thanh M.

2. Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Nguyễn Phương Gia B, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2019 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Nguyễn Phương V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ khoản tạm ứng án phí anh Viên đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000148 ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh V đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Phương V, chị Nguyễn Thanh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

